**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA** **LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

Ngày 12/6/2017, tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam Khóa XIV đã thông qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018. Việc xây dựng và ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là một bước tiến quan trọng trong tiến trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp tại Việt Nam. Sau hơn 30 năm đổi mới và 16 năm bắt đầu công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), Việt Nam đã có một khung pháp luật áp dụng thống nhất cho các DNNVV thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân để khắc phục khó khăn và thúc đẩy DNNVV phát triển. Dưới đây là những nội dung cơ bản của Luật Hỗ trợ DNNVV.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Công tác hỗ trợ DNNVV ở Việt Nam đã bắt đầu triển khai từ năm 2001 với sự ra đời của Nghị định số 90/2001/NĐ-CP ngày 23/11/2001 của Chính phủ về trợ giúp phát triển DNNVV và sau đó được thay bằng Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ (Nghị định số 56/2009/NĐ-CP). Trên cơ sở này, các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ DNNVV đã từng bước đi vào cuộc sống, góp phần nâng cao nhận thức và sự quan tâm đối với công tác hỗ trợ phát triển DNNVV của các Bộ ngành, địa phương, tổ chức hiệp hội và cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế. Đồng thời, Việt Nam đã trở thành một đầu mối chính thức về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hỗ trợ phát triển DNNVV, tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương như Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC), Hợp tác Á-Âu (ASEM); với các tổ chức quốc tế và khu vực như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Tổ chức Phát triển công nghiệp Liên hiệp quốc (UNIDO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN),v.v.. Các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ phát triển DNNVV thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, ngoài một số kết quả đáng ghi nhận đó thì tác động hỗ trợ của các chính sách này và việc triển khai thực hiện vẫn còn một số hạn chế, bất cập.

**1. Một số hạn chế, bất cập về việc hỗ trợ DNNVV**

Chính sách và tổ chức thực hiện hỗ trợ DNNVV còn một số hạn chế, bất cập như sau:

*Một là,*về các chính sách hỗ trợ DNNVV, một số chính sách hỗ trợ đã được quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP nhưng chịu sự điều chỉnh của các luật trong các ngành, lĩnh vực khác (như Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Đấu thầu, Luật Khoa học và Công nghệ, các Luật về thuế…). Vì vậy, hiệu lực thực thi của Nghị định số 56/2009/NĐ-CP chưa cao, dẫn đến việc thực hiện hỗ trợ DNNVV trong thực tiễn chưa hiệu quả. Các chính sách quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP mang tính khuyến khích chung, chưa cụ thể dẫn đến kết quả hỗ trợ còn hạn chế, chính sách hỗ trợ chưa đi vào cuộc sống. Điển hình là các chính sách hỗ trợ tài chính, mặt bằng sản xuất, hỗ trợ mua sắm công, ươm tạo doanh nghiệp... Ngoài ra, Nghị định số 56/2009/NĐ-CP quy định kế hoạch và chương trình trợ giúp phát triển DNNVV, song lại không quy định nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện, chưa tạo ra cơ chế hình thành nguồn kinh phí dành riêng hỗ trợ DNNVV mà chủ yếu lồng ghép vào các chương trình, chính sách hiện hành theo ngành, lĩnh vực.

*Hai là,* việc tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp DNNVV còn chậm. Một số chính sách như bảo lãnh tín dụng (BLTD) tại các quỹ BLTD cho DNNVV các tỉnh, thành phố và qua hệ thống Ngân hàng phát triển Việt Nam, hỗ trợ tài chính thông qua Quỹ Phát triển DNNVV… mặc dù đã được ban hành từ nhiều năm trước nhưng khi thực hiện còn nhiều vướng mắc. Một số chương trình mất nhiều thời gian để xây dựng các văn bản quy phạm hướng dẫn thực hiện, từ 2 đến 3 năm, trong khi thời gian thực hiện dự kiến trong giai đoạn 5 năm. Nội dung nhiều chương trình trợ giúp DNNVV còn dàn trải, chưa tập trung hoặc chưa gắn kết với nhau làm cho các DNNVV chưa tiếp cận hay nhận được sự hỗ trợ một cách thuận lợi. Trong khi đó, đối với một doanh nghiệp, muốn phát triển bền vững thì phải có đầy đủ các yếu tố tài chính, công nghệ, thông tin, thị trường v.v… do đó cần có sự hỗ trợ mang tính tổng thể, toàn diện, liên kết chặt chẽ đồng thời có trọng tâm của Nhà nước. Cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ DNNVV giữa các bộ, ngành; giữa trung ương và địa phương chưa hiệu quả. Hệ thống cơ quan, tổ chức thực hiện hỗ trợ DNNVV từ trung ương đến địa phương chưa được hình thành đầy đủ, nhất quán. Cơ chế báo cáo, công khai minh bạch thông tin, giám sát và đánh giá các hoạt động hỗ trợ chưa được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ. Đồng thời, chưa có cơ chế thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đối với việc xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ phát triển DNNVV trong khi nguồn ngân sách nhà nước hạn chế.

Trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ DNNVV thời gian qua cho thấy, những tồn tại, bất cập nêu trên chủ yếu xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu là: một số chính sách hỗ trợ tuy đã được quy định trong Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, nhưng chịu sự điều chỉnh của các Luật chuyên ngành (như Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Đấu thầu…). Đa số các chính sách hỗ trợ DNNVV (6/8 nhóm chính sách quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP) khi triển khai được lồng ghép vào các chương trình trong ngành, lĩnh vực. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành; giữa trung ương và địa phương còn yếu, thiếu cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ phát triển DNNVV. Đồng thời, cơ chế báo cáo và chia sẻ thông tin chưa được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ. Năng lực của các đơn vị đầu mối thực hiện hỗ trợ DNNVV còn yếu và thiếu. Sự quan tâm và đầu tư của các địa phương đối với công tác hỗ trợ phát triển DNNVV còn thấp trong khi nguồn ngân sách trung ương hạn chế và các chính sách, chương trình hỗ trợ của Nhà nước chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ phát triển của cộng đồng DNNVV. Mặc dù hàng năm, Nhà nước cũng đã dành nguồn lực nhất định để hỗ trợ cho DNNVV nhưng bị chia nhỏ, manh mún và rời rạc.

Những hạn chế nêu trên đã làm cho những chính sách và chương trình hỗ trợ của Nhà nước chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ phát triển của cộng đồng DNNVV. Trong khi đó, các DNNVV rất cần sự hỗ trợ của Nhà nước để phát triển, nâng cao sức cạnh tranh, góp phần tích cực vào việc tạo ra việc làm và thu nhập, đóng góp vào quá trình chuyển dịch mô hình tăng trưởng, tạo ra một nền kinh tế năng động và hiệu quả. Đồng thời, trong bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng chất lượng, hiệu quả và hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới đang đặt ra yêu cầu cấp bách đối với các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các DNNVV phải tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh để tồn tại và phát triển bền vững.

**2. Đối với việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng**

Nhằm cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013, đảm bảo mọi chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật, Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Theo đó, việc xây dựng và ban hành Luật Hỗ trợ DNNVV cũng nhằm cụ thể hoá các chủ trương của Đảng và Nhà nước:

*Một là,* “Tăng cường trợ giúp để phát triển mạnh DNNVV, kinh tế hộ gia đình; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành doanh nghiệp lớn, thương hiệu mạnh” được nêu trong nhiệm vụ về đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

*Hai là,* “Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp” tại Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

*Ba là,* tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, làm động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế” tại Nghị quyết Đại hội Đảng Khoá XII.

*Bốn là,* các chủ trương tại Nghị quyết số 14-NQ/TW (Khóa IX) ngày 18/3/2002 về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/12/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

**3. Học hỏi kinh nghiệm quốc tế về hỗ trợ phát triển DNNVV**

Trên các quốc gia trên thế giới, DNNVV đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội, chiếm tỷ lệ cao từ 97-99% trong tổng số doanh nghiệp và được xác định là “động lực tăng trưởng”, là “xương sống” của nền kinh tế. Các nước đã phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Sinh-ga-po, Liên minh châu Âu (EU)… và các nước đang phát triển trong khu vực như Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ… đều coi trọng vai trò của khu vực DNNVV. Do đó, công tác hỗ trợ DNNVV được xem như một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển của các quốc gia và đã được các quốc gia này luật hóa từ nhiều thập kỷ trước thông qua việc sớm ban hành các đạo luật cơ bản về hỗ trợ DNNVV hoặc doanh nghiệp nhỏ nhằm thúc đẩy khu vực doanh nghiệp này phát triển và đổi mới sáng tạo, đóng góp ngày càng cao trong nền kinh tế. Hầu hết các quốc gia đã thể chế hoá hỗ trợ DNNVV dưới hình thức đạo luật hoặc luật (Nhật Bản, Mỹ, Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan). Thậm chí ở một số quốc gia, việc bảo vệ, hỗ trợ DNNVV được quy định trong hiến pháp như Hàn Quốc, Đài Loan.

Một số quốc gia (Nhật Bản, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a…) ban hành dưới hình thức là luật khung, luật cơ bản về hỗ trợ DNNVV, tạo cơ sở ban hành các luật hỗ trợ DNNVV cụ thể khác như Luật hỗ trợ tài chính, Luật BLTD, Luật thúc đẩy hợp tác liên kết giữa các DNNVV và doanh nghiệp lớn, Luật khuyến khích đầu tư, giảm thuế cho DNNVV, Luật đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp nhỏ, mua sắm chính phủ đối với sản phẩm của DNNVV hoặc quy định hệ thống các chính sách, biện pháp hỗ trợ cụ thể cho DNNVV. Một số quốc gia khác ban hành dưới hình thức là luật chi tiết (Mỹ, EU…), trong đó quy định các chính sách, biện pháp cụ thể hỗ trợ DNNVV. Các luật hỗ trợ DNNVV ở các quốc gia thường được điều chỉnh, sửa đổi phù hợp với ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia trong từng thời kỳ, tập trung giải quyết các thách thức đối với sự phát triển của các DNNVV. Bên cạnh đó, các luật này cũng quy định hệ thống cơ quan chính phủ đầu mối về hỗ trợ DNNVV với vai trò điều phối triển khai thực hiện hỗ trợ DNNVV. Các đạo luật cũng thể hiện rõ trách nhiệm của Chính phủ trong việc đảm bảo các nguồn lực để tổ chức thực hiện hỗ trợ DNNVV.

Vì vậy, để giải quyết những hạn chế, bất cập nêu trên và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, đồng thời học tập kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới và khu vực trong hỗ trợ DNNVV, việc xây dựng và ban hành Luật Hỗ trợ DNNVV của Việt Nam là cần thiết và phù hợp với xu hướng chung của thế giới, nhằm đáp ứng nhu cầu và giúp khu vực DNNVV phát huy tốt nhất vai trò của mình trong nền kinh tế.

**II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT**

**1. Mục tiêu**

Việc xây dựng và ban hành Luật Hỗ trợ DNNVV nhằm mục tiêu thiết lập đồng bộ các chính sách, chương trình nhằm hỗ trợ DNNVV có chọn lọc, phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế của đất nước, lợi thế cạnh tranh của từng địa phương, quốc gia và nguồn lực có thể bố trí trong từng thời kỳ. Qua đó, nâng cao sức cạnh tranh và chất lượng hoạt động của khu vực DNNVV. Đồng thời, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; bảo đảm tính khả thi và không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Góp phần tăng cường năng lực và hiệu quả cho hệ thống cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV; nâng cao hiệu quả điều phối, xây dựng, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động hỗ trợ DNNVV. Từ đó, tạo khung pháp lý để huy động khu vực kinh tế tư nhân và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia cùng Chính phủ thực hiện hỗ trợ DNNVV.

**2. Quan điểm**

*Thứ nhất*, cụ thể hóa chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân, đặc biệt là Nghị quyết số 14-NQ/TW (khóa IX) ngày 18/3/2002 về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 09/12/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

*Thứ hai,* hỗ trợ DNNVV phù hợp với nguyên tắc thị trường, không phân biệt đối xử, đảm bảo không vi phạm các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*Thứ ba*, hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn lực nhà nước chủ yếu thông qua việc tạo cơ chế chính sách, điều kiện thuận lợi để các tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV và thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV được lựa chọn theo quy định của pháp luật.

*Thứ tư,* Nhà nước củng cố, kiện toàn hệ thống cơ quan, tổ chức hỗ trợ ở Trung ương và địa phương, đồng thời khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước để hỗ trợ DNNVV.

*Thứ năm,* các nội dung, biện pháp hỗ trợ DNNVV phải dựa trên nhu cầu của doanh nghiệp, nhằm giúp các doanh nghiệp tăng trưởng về chất lượng và quy mô.

**III. BỐ CỤC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**A. BỐ CỤC CỦA LUẬT**

Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 gồm 04 chương với 35 điều, cụ thể như sau:

***-* Chương I. Những quy định chung**, gồm 07 điều (từ Điều 1 đến Điều 7), quy định về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; tiêu chí xác định DNNVV; nguyên tắc hỗ trợ DNNVV; nguồn vốn hỗ trợ DNNVV; các hành vi bị nghiêm cấm trong việc hỗ trợ DNNVV.

***-* Chương II. Nội dung hỗ trợ DNNVV**, gồm 02 mục, 13 điều (từ Điều 8 đến Điều 20)

***Mục 1.*** Hỗ trợ chung, gồm 08 điều (từ Điều 8 đến Điều 15), quy định về: hỗ trợ tiếp cận tín dụng; quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV; hỗ trợ thuế, kế toán; hỗ trợ mặt bằng sản xuất; hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ mở rộng thị trường; hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.

***Mục 2.*** Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, gồm 05 điều (từ Điều 16 đến Điều 20), quy định về: hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; quỹ phát triển DNNVV.

***-* Chương III. Trách nhiệm trong hoạt động hỗ trợ DNNVV**, gồm 12 điều (từ Điều 21 đến Điều 32), quy định về: Trách nhiệm của Chính phủ; trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; trách nhiệm của Bộ Tài chính; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ; trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh; trách nhiệm của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc hỗ trợ DNNVV; trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV; trách nhiệm của DNNVV; công khai thông tin hỗ trợ DNNVV; kiểm tra, giám sát việc hỗ trợ DNNVV; đánh giá hỗ trợ DNNVV; xử lý vi phạm pháp luật về hỗ trợ DNNVV.

***-* Chương IV. Điều khoản thi hành**, gồm 03 điều (từ Điều 33 đến Điều 35), quy định về: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan; hiệu lực thi hành; quy định chuyển tiếp.

**IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**1. Về những quy định chung**

- *Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1),* Luật quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ DNNVV; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ DNNVV. Điều này nhằm mục tiêu thiết lập được sự đồng bộ của các chính sách hỗ trợ DNNVV tránh sự mâu thuẫn và thi hành không đúng của các cá nhân, tổ chức tham gia hỗ trợ DNNVV. Đồng thời quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan trung ương và địa phương, các tổ chức trong việc hỗ trợ cho DNNVV để đạt hiệu quả tốt nhất.

- *Về đối tượng áp dụng (Điều 2),* Luật quy định hai nhóm đối tượng bao gồm: (1). Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định DNNVV theo quy định của Luật này; (2). Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ DNNVV. Điều này xây dựng trên quan điểm hỗ trợ DNNVV có chọn lọc, phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế của đất nước, lợi thế của từng địa phương, nguồn lực của quốc gia và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Việc quy định các đối tượng như vậy thể hiện vấn đề mà Luật hướng tới là hỗ trợ DNNVV và các cá nhân, tổ chức liên quan đều có vai trò, trách nghiệm nhất định đối với việc thi hành Luật. Hiện nay, DNNVV ở nước ta chiếm khoảng 97,9% tổng số doanh nghiệp trong khi nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước có hạn. Vì vậy, đối tượng hỗ trợ của Luật gồm các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chí DNNVV quy định Luật này là hợp lý với thực tiễn. Từ đó, các việc hỗ trợ các DNNVV sẽ có tính tập trung hơn và hiệu quả hơn.

- *Luật giải thích một số khái niệm cơ bản liên quan đến việc hỗ trợ DNNVV (Điều 3),* đó là các từ ngữ sau:

+ (1). *DNNVV do phụ nữ làm chủ* là DNNVV có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó; (2). *DNNVV khởi nghiệp sáng tạo* là DNNVV được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh. Đây là hai đối tượng mà Luật sẽ có những chính sách hỗ trợ phù hợp nhằm tạo thuận lợi mới cho họ có cơ hội phát triển.

+ (3). *Chuỗi giá trị* là mạng lưới liên kết tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm hoặc dịch vụ, bao gồm các giai đoạn tiếp nối nhau từ hình thành ý tưởng, thiết kế, sản xuất, phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng. (4). *Chuỗi phân phối sản phẩm* là mạng lưới các trung gian thực hiện phân phối sản phẩm của DNNVV đến người tiêu dùng do các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh thực hiện.

+ (5). *Cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV* (*sau đây gọi là* *cơ sở kỹ thuật*) là cơ sở cung cấp các thiết bị dùng chung để hỗ trợ DNNVV thiết kế, thử nghiệm, đo lường, phân tích, giám định, kiểm định sản phẩm, hàng hóa, vật liệu. (6). *Cơ sở ươm tạo DNNVV* (*sau đây gọi là* *cơ sở ươm tạo*) là cơ sở cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập. (7). *Cụm liên kết ngành* là hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành và doanh nghiệp, tổ chức có liên quan cùng hợp tác và cạnh tranh. (8). *Khu làm việc chung hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo* (*sau đây gọi là* *khu làm việc chung*) là khu vực cung cấp không gian làm việc tập trung, không gian trưng bày sản phẩm, cung cấp các tiện ích để hỗ trợ, liên kết các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

- *Về tiêu chí xác định DNNVV (Điều 4),* nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn vận dụng tiêu chí xác định DNNVV tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP và tạo sự linh hoạt điều chỉnh quy mô DNNVV phù hợp với mục tiêu phát triển trong từng thời kỳ, Luật quy định tiêu chí xác định DNNVV như sau: (1). DNNVV bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí là: (a) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng; (b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng. (2). Đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ. (3). Đồng thời, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

- *Về nguyên tắc hỗ trợ DNNVV (Điều 5),* Luật quy định việc hỗ trợ DNNVV phải tuân thủ 06 nguyên tắc bao gồm: (1). Việc hỗ trợ DNNVV phải tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; (2). Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện; (3). Nhà nước hỗ trợ DNNVV có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực; (4). Việc hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước do các tổ chức, cá nhân tài trợ được thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân đó nhưng không được trái quy định của pháp luật; (5). Trường hợp DNNVV đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất. Trường hợp nhiều DNNVV cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ hơn; (6). DNNVV được nhận hỗ trợ khi đã thực hiện đầy đủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Các nguyên tắc trên của Luật có mục đích nhằm chuyển dịch quan điểm hỗ trợ DNNVV xuất phát từ phía cung (nhà nước) sang hỗ trợ theo nhu cầu (hỗ trợ những gì doanh nghiệp cần). Theo đó, nhà nước đầu tư tập trung vào những vấn đề mà doanh nghiệp cần để phát triển. Đồng thời khoản 5 của Điều này quy định rõ các trường hợp để các doanh nghiệp có thể có sự hỗ trợ theo các trình tự ưu tiên.

- *Về nguồn vốn hỗ trợ DNNVV,* khoản 1 Điều 6 Luật quy định có 04 loại nguồn vốn hỗ trợ DNNVV bao gồm: a) Nguồn vốn tín dụng có hỗ trợ, bảo lãnh của Nhà nước; b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; c) Nguồn vốn hỗ trợ từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản khác phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; d) Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. Trong đó, nguồn vốn quy định tại các điểm a, b và c là nguồn vốn có liên quan đến ngân sách nhà nước. Vì thế, tại khoản 2 Điều 6 quy định nguồn vốn này phải được lập dự toán, thẩm định, phê duyệt, quyết toán theo quy định của pháp luật. Điều đó nhằm đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn nhà nước được công khai, minh bạch và phải được đầu tư hiệu quả.

- *Về các hành vi bị nghiêm cấm trong việc hỗ trợ DNNVV (Điều 7),* Luật quy định 05 hành vi bị nghiêm cấm, gồm: (1). Hỗ trợ DNNVV không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; (2). Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về hỗ trợ DNNVV; (3). Phân biệt đối xử, gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu đối với DNNVV, tổ chức, cá nhân hỗ trợ DNNVV; (4). Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực liên quan đến hỗ trợ DNNVV; (5). Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết.

**2. Về các nội dung hỗ trợ DNNVV**

Chương này quy định các nội dung hỗ trợ DNNVV gồm hỗ trợ chung và hỗ trợ cho DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

***2.1. Hỗ trợ chung cho DNNVV (Mục 1)***, quy định về các biện pháp cơ bản hỗ trợ DNNVV, bao gồm: Hỗ trợ tiếp cận tín dụng; Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV; Hỗ trợ thuế, kế toán; Hỗ trợ mặt bằng sản xuất; Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; Hỗ trợ mở rộng thị trường; Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực. Nội dung cụ thể như sau:

- *Hỗ trợ tiếp cận tín dụng (Điều 8)*

Để các DNNVV tiếp cận được nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại thì Luật phải có cơ chế mạnh hơn. Đó là các cơ chế cụ thể để khuyến khích ngân hàng thương mại cấp tín dụng cho DNNVV sẽ thay đổi theo từng thời kỳ tùy vào tình hình kinh tế - xã hội và nhu cầu của khu vực DNNVV. Theo đó, Luật quy định: (1). Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với DNNVV; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với DNNVV dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; khuyến khích thành lập tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm DNNVV.(2). DNNVV được cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng quản lý, minh bạch hóa tài chính của doanh nghiệp để nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng.(3). DNNVV được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV theo quy định tại Điều 9 của Luật này.

- *Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV (Điều 9)*

Đối với các Quỹ phát triển DNNVV phải có quy định rõ về tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ nhằm bảo đảm trách nhiệm của các Quỹ này trong quá trình hỗ trợ DNNVV. Đồng thời trong quá trình soạn thảo Luật, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nêu ý kiến không nên quy định quá nhiều quỹ mà chỉ cần một quỹ, để tập trung nguồn lực hỗ trợ bảo đảm tính khả thi của quỹ. Vì vậy, Luật quy định tại khoản 1 về Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập. Đồng thời, quỹ có chức năng cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV dựa trên tài sản bảo đảm hoặc phương án sản xuất, kinh doanh khả thi hoặc xếp hạng tín nhiệm của DNNVV (khoản 2). Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV phải thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết; không được từ chối bảo lãnh cho DNNVV đủ điều kiện được bảo lãnh (khoản 3). Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này (khoản 4).

- *Về hỗ trợ thuế, kế toán (Điều 10)*

Với quan điểm hỗ trợ của Nhà nước chủ yếu là hỗ trợ gián tiếp và thông qua tạo cơ chế để khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào hỗ trợ DNNVV thì quy định hỗ trợ qua chính sách thuế là phù hợp. Hỗ trợ thuế cho DNNVV là chính sách hỗ trợ cơ bản và tất cả DNNVV đều mong muốn được tiếp cận. Vì thế, tại khoản 1 quy định DNNVV được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán (khoản 2). Việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho DNNVV có thể làm giảm nguồn thu ngân sách trong thời gian ngắn hạn, nhưng về dài hạn sẽ giúp các DNNVV nâng cao năng lực tích lũy, năng lực cạnh tranh.

- *Hỗ trợ mặt bằng sản xuất (Điều 11)*

Với hướng phát triển chú trọng chính sách hỗ trợ DNNVV vào cụm công nghiệp nhưng vẫn có cơ chế khuyến khích khu công nghiệp cho DNNVV thuê đất trong khu, đồng thời sẽ tiếp tục nghiên cứu nhằm quy định cụ thể hơn cơ chế điều chỉnh quy hoạch trong khu công nghiệp để vẫn bảo đảm các tiêu chuẩn chung của khu công nghiệp. Khoản 1 quy định: “Căn cứ vào điều kiện quỹ đất thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho DNNVV phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.” Luật quy định địa phương phải bố trí trong quy hoạch quỹ đất cho DNNVV làm mặt bằng sản xuất, đầu tư xây dựng cụm công nghiệp dành riêng cho DNNVV và có cơ chế miễn, giảm tiền thuê đất, thuế sử dụng đất. Ngoài ra, căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho DNNVV tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng (khoản 2). Theo Khoản 3, việc hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho DNNVV quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với DNNVV. Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc được hỗ trợ từ ngân sách địa phương.

Tuy nhiên, việc hỗ trợ mặt bằng sản xuất quy định tại Điều này không áp dụng đối với DNNVV có vốn đầu tư nước ngoài, DNNVV có vốn nhà nước (khoản 3).

- *Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung (Điều 12)*

Trong thời kì công nghệ hiện đại, việc các DNNVV được nhà nước hỗ trợ về công nghệ là hoàn toàn hợp lý và phù hợp với thực tiễn. Đây là cơ hội để các DNNVV có thể nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp (khoản 1).

Đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập theo hình thức đối tác công tư cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung (Khoản 2). Theo Khoản 3 cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung được hưởng các hỗ trợ sau đây: a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật; b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- *Hỗ trợ mở rộng thị trường (Điều 13)*

Nhằm phát triển thị trường tiêu thụ trong nước, hỗ trợ DNNVV xác lập được thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá ngay tại thị trường nội địa, nhà nước cần có chính sách phù hợp phát triển hệ thống bán lẻ thúc đẩy sản xuất trong nước và khuyến khích tiêu dùng hàng Việt Nam, từ đó mới tạo ra được sản phẩm cạnh tranh của địa phương và giúp các DNNVV giành được vị thế ngay tại thị trường nội địa. Với mục tiêu đó, Luật quy định tại Khoản 1: “Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập chuỗi phân phối sản phẩm theo hình thức đối tác công tư. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập chuỗi phân phối sản phẩm”.

Các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm nếu có ít nhất 80% số DNNVV tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam được hưởng các hỗ trợ sau đây: a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật; b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (khoản 2).

Đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu (khoản 3).

- *Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý (Điều 14)*

Về vấn đề thông tin, Khoản 1 quy định các thông tin bao gồm: a) Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ DNNVV; b) Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; c) Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin trên được công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Về vấn đề tư vấn, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho DNNVV (sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên). DNNVV được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên (khoản 2).

Về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây: a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật; b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật (khoản 3).

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này (khoản 4).

- *Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực (Điều 15)*

Đối với sự phát triển của bất kỳ một cơ quan, tổ chức nào thì nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đem lại thành công. Vì vậy, để đảm bảo các DNNVV có nguồn nhân lực tốt, Luật đã quy định chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực như sau: (1). DNNVV được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các DNNVV. (2). Nhà nước tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho DNNVV; hỗ trợ hoạt động đào tạo trực tiếp tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này (khoản 3).

***2.2. Hỗ trợ cho DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (Mục 2)***có các quy định bao gồm: hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; quỹ phát triển DNNVV. Nội dung cụ thể như sau:

- *Về hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh (Điều 16)*

Khoản 1 của điều này quy định DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ nếu đáp ứng 02 điều kiện: a) Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật; b) Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Theo đó, các nội dung hỗ trợ bao gồm: a) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp;b) Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;c) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;d) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;đ) Miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai (khoản 2).

Đồng thời, DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh, chủ hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ chưa thanh toán của hộ kinh doanh, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo quy định của pháp luật (khoản 3).

Ngoài ra, khoản 4 của Luật cũng quy định hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động kể từ thời điểm DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

- *Về hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (Điều 17)*

Luật Hỗ trợ DNNVV quy định các điều kiện để DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ bao gồm: a) Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; b) Chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần (khoản 1).

Nội dung hỗ trợ: a) Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới; b) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; c) Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; d) Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; đ) Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng (khoản 2).

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này (khoản 3).

- *Về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (Điều 18)*

Nhà đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (khoản 1). Các nhà đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (khoản 3).

Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây: a) Đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư; b) Nhà đầu tư tư nhân góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính và chịu trách nhiệm về vốn góp của mình (khoản 2).

Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây: a) Lựa chọn các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện để cùng đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; b) Khoản vốn đầu tư từ ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn; c) Tiến hành chuyển nhượng vốn đầu tư cho nhà đầu tư tư nhân trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (khoản 4). Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này (khoản 5).

- *Về hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (Điều 19)*

Các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: a) Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành; b) Có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị (khoản 1).Theo đó, nội dung hỗ trợ bao gồm:a) Đào tạo chuyên sâu về công nghệ, kỹ thuật sản xuất; tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, chiến lược phát triển sản phẩm theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; b) Cung cấp thông tin về nhu cầu kết nối, sản xuất, kinh doanh của các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;c) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường sản phẩm của cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;d) Hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;đ) Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng (khoản 2).

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Việc hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị không thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến do Chính phủ quy định sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến (khoản 3).

- *Về Quỹ phát triển DNNVV (Điều 20)*

Quỹ phát triển DNNVV là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Thủ tướng Chính phủ thành lập. Quỹ thực hiên chức năng sau đây: a) Cho vay, tài trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; b) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ DNNVV (khoản 1).

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này (khoản 2).

**3. Trách nhiệm trong hoạt động hỗ trợ DNNVV**

Để nâng cao hiệu quả thực thi Luật hỗ trợ DNNVV, đảm bảo các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện đúng trách nhiệm của mình, trong Chương này Luật quy định về trách nhiệm trong hoạt động hỗ trợ DNNVV cho nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đồng thời, với tình hình Việt Nam hiện nay vẫn đang thiếu gắn kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với việc hợp tác nghiên cứu và phát triển, nâng cấp công nghệ, giữa đào tạo kỹ thuật của viện, trường với việc thực tập, thực hành tại doanh nghiệp. Vì vậy, việc quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sẽ nâng cao hiệu quả thực tiễn cho Luật, từ đó tăng đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề, khắc phục tình trạng “thừa thầy thiếu thợ”. Quy định cụ thể như sau:

- *Đối với Chính phủ (Điều 21)*

Theo Luật Hỗ trợ DNNVV, Chính phủ có trách nghiệm với việc thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ DNNVV (khoản 1). Đồng thời, xây dựng dự toán ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ DNNVV trong dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (khoản 2). Ban hành theo thẩm quyền chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước hỗ trợ DNNVV (khoản 3).

- *Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Điều 22)*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hỗ trợ DNNVV, có trách nghiệm như sau:(1) Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ DNNVV. Tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động hỗ trợ DNNVV.(2) Thực hiện vai trò điều phối, xác định mục tiêu, đối tượng, trọng tâm hỗ trợ để xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ DNNVV trên phạm vi toàn quốc; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ bố trí nguồn vốn chi đầu tư phát triển để hỗ trợ DNNVV theo quy định của Luật này.(3) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV.(4) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ và cơ quan ngang Bộ khác xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm DNNVV.

- *Đối với Bộ Tài chính (Điều 23)*

Bộ Tài chính có trách nghiệm như sau: (1) Hướng dẫn về thủ tục hành chính thuế, chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ; việc thực hiện các chính sách thuế, phí, lệ phí đối với DNNVV. (2) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ bố trí nguồn vốn để hỗ trợ DNNVV theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.(3) Công bố thông tin về việc chấp hành pháp luật về thuế, hải quan và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khác của các DNNVV để xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm DNNVV.

- *Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ (Điều 24)*

Luật DNNVV quy định trách nghiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan đến hỗ trợ DNNVV cụ thể như sau:

+ Trách nghiệm chung của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bao gồm: a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ DNNVV; b) Tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hỗ trợ DNNVV; c) Tổ chức việc thống kê và công bố thông tin về DNNVV; (d) Hướng dẫn DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; đ) Ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ DNNVV (khoản 1).

+ Trách nghiệm cụ thể của một số Bộ, cơ quan ngang Bộ khác bao gồm: Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn DNNVV tham gia chuỗi phân phối sản phẩm (khoản 2). Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho DNNVV (khoản 3). Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho DNNVV (khoản 4). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách của Chính phủ về hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với DNNVV (khoản 5).

- *Đối với chính quyền địa phương cấp tỉnh (Điều 25)*

Chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hỗ trợ DNNVV ở địa phương, Luật quy định cụ thể như sau:

+ Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: a) Thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 18 của Luật này. Theo đó, khoản 1 Điều 11 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho DNNVV phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt”; khoản 2 Điều 11 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho DNNVV tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng”; khoản 4 Điều 18 quy định: “Các nguyên tắc đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo là: Lựa chọn các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện để cùng đầu tư vào DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; Khoản vốn đầu tư từ ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn; Tiến hành chuyển nhượng vốn đầu tư cho nhà đầu tư tư nhân trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp”; b) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ DNNVV tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ DNNVV theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; c) Giám sát việc tuân theo pháp luật về hỗ trợ DNNVV tại địa phương.

+ *Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*: a) Xây dựng và tổ chức triển khai hỗ trợ DNNVV tại địa phương; kế hoạch, chương trình hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; b) Kiểm tra, đánh giá công tác hỗ trợ DNNVV tại địa phương và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Tôn vinh DNNVV có thành tích, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- *Đối với các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc hỗ trợ DNNVV (Điều 26)*

Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, huy động các nguồn lực hỗ trợ hội viên là DNNVV (khoản 1). Các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hỗ trợ DNNVV; tham gia đánh giá các chương trình hỗ trợ DNNVV (khoản 2); thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (khoản 3); thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp lớn với các DNNVV (khoản 4).

- *Đối với tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV (Điều 27)*

Các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV thực hiện theo các điều kiện, cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV theo quy định của Luật này và tuân thủ các thủ tục hành chính (khoản 1). Khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho DNNVV phải cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ và chính xác cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV để chứng minh, xác nhận việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho DNNVV (khoản 2).

Các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV (khoản 3). Đồng thời, có trách nghiệm tham gia, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đầu tư thành lập, quản lý và vận hành tổ chức thực hiện hỗ trợ DNNVV theo hình thức đối tác công tư hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật (khoản 4).

- *Đối với các DNNVV (Điều 28)*

Luật hỗ trợ DNNVV có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hỗ trợ DNNVV như: Chính phủ, cơ quan Trung ương và địa phương, các tổ chức xã hội… nhằm nâng cao hiệu quả trong hỗ trợ cho DNNVV. Tuy nhiên, để quá trình hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên được thuận lợi thì không thể thiếu sự hợp tác cùng các DNNVV. Vì vậy, Luật quy định trách nhiệm của DNNVV như sau: (1) Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp. (2) Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước. (3) Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV. (4) Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

- *Công khai thông tin hỗ trợ DNNVV (Điều 29)*

Cơ quan hỗ trợ DNNVV thực hiện công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ DNNVV và các thông tin khác có liên quan (khoản 1). Theo đó, việc công khai thông tin hỗ trợ DNNVV được thực hiện theo các hình thức được quy định tại khoản 2 Điều 29 như sau: a) Niêm yết công khai tại cơ quan hỗ trợ DNNVV; b) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ DNNVV, Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV (khoản 2). Thời gian công khai thông tin hỗ trợ DNNVV phải được thực hiện chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nội dung, chương trình hỗ trợ DNNVV quy định tại khoản 1 Điều này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (khoản 3).

- *Kiểm tra, giám sát việc hỗ trợ DNNVV (Điều 30)*

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân tài trợ kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ DNNVV theo quy định của pháp luật (khoản 1). Theo đó, các nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: a) Việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ; việc thực hiện trình tự, thủ tục và nội dung hỗ trợ; b) Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ; c) Việc thực hiện công khai thông tin hỗ trợ DNNVV quy định tại Điều 29 của Luật này (khoản 2).

- *Đánh giá hỗ trợ DNNVV (Điều 31)*

Luật hỗ trợ DNNVV quy định cáccơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ DNNVV tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, tác động dự kiến đối với đối tượng hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này (khoản 1).Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư định kỳ tổ chức đánh giá độc lập tác động của nội dung, chương trình hỗ trợ DNNVV (khoản 2).

- *Về xử lý vi phạm pháp luật về hỗ trợ DNNVV (Điều 32),* Luật quy định những trường hợp vi phạm quy định của Luật này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật (khoản 1). Đồng thời, quyết định xử lý vi phạm đó phải được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV. Điều đó thể hiện sự công khai, minh bạch trong xử lý vi phạm nhằm phát hiện những trường hợp cá nhân, tổ chức có hành vi cản trở sự phát triển của DNNVV (khoản 2).

**4. Về điều khoản thi hành**

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 như sau:

+ Bổ sung điểm o vào khoản 1 Điều 16 như sau:

“o) Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.”;

+ Sửa đổi khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.”.

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 14 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 như sau:

“c) Nhà thầu là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ.”.

- Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt; trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì được thực hiện theo quy định của Luật này.

- Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, các cam kết do Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện, nếu các bên không có thỏa thuận khác.